TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;
2. Bà Hà Mộng Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HN ngày 01 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 14, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Phan H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 505/15 (nay là số 248, tổ 18), khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà N có mặt, ông H vắng mặt lần thứ hai;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông H tự quen biết, tìm hiểu và được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới chung sống vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 149/HT, ngày

14/10/2004. Sau lễ cưới, vợ chồng về sống cùng nhà cha, mẹ ruột bà N tại tổ 14, khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc. Đến năm 2017 thì vợ chồng ra riêng cũng cùng tổ 14, khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ.

Lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, ông H có người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông H thừa nhận có người phụ nữ khác nên bà N và ông H sống xa cách, hiện ông H bỏ về nhà cha mẹ ở tại khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc. Vào ngày 16/4/2019 bà N có làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông H nhưng qua động viên hòa giải của Tòa án bà N đã rút đơn khởi kiện lại để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm, ngày 09/9/2019 Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 73/2019/QĐST-HNGĐ, từ thời gian đó cho đến nay ông H không thay đổi, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên bà N tiếp tục làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Bà N khai quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Phan Duy Uyên, sinh ngày 08/01/2006 đang sống cùng bà. Bà N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, ông Phan H không cung cấp lời khai, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh ban khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc cho biết ông H và bà N sinh sống tại địa chỉ tổ 14, khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ nhưng ông H không có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay không có mặt tại địa phương.

Ban khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc cho biết ông H là con ông Phan Văn Lực ngụ tại địa chỉ số 248, tổ 18, khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ. Ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với ông Lực và thỉnh thoảng ông H có về thăm gia đình.

Ông Phan Văn Lực cho biết: Ông Phan H là con ruột của ông còn bà N là con dâu, ông H và bà N kết hôn năm 2004, có tổ chức lễ cưới, sau lễ cưới vợ chồng ở riêng tại tổ 14, khóm Mỹ Thành, phường Vĩnh Mỹ. Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Duy Uyên, sinh năm 2006 đang sống cùng bà N, về mâu thuẫn vợ chồng thì ông không rõ, thỉnh thoảng thì ông H có về thăm ông. Ông Lực đồng ý nhận và chuyển giao các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho ông H đúng theo nội dung văn bản thể hiện, cam kết giao tận tay cho H.

Ý kiến cháu Phan Duy Uyên: Cháu là con ruột của ông H và bà N, hiện cháu đang sống cùng mẹ, cháu học lớp 8, trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi, thành phố Châu Đốc. Việc cha mẹ cháu ly hôn cháu không có ý kiến, cháu có biết mâu thuẫn giữa cha mẹ cháu, nguyên nhân là do cha cháu có người phụ nữ

khác bên ngoài, không quan tâm đến mẹ và cháu, khoảng tháng 10/2019 cháu chứng kiến việc cha mẹ cháu cãi nhau khi cháu hỏi cha và đưa hình cha chụp chung với người phụ nữ khác, từ đó đến nay cha không về nhà nữa, cha cũng thỉnh thoảng tới lui nhà ông bà nội ở khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ. Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ sẽ thuận tiện cho mẹ chăm sóc cháu.

Tại phiên tòa,

Bà N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H, cho biết từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng không còn sống chung; bà yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phan Duy Uyên, sinh ngày 08/01/2006, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà đang công tác tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ có thu nhập ổn định, cùng với sự hỗ trợ của gia đình bà đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Hội đồng xét xử công bố ý kiến cháu Uyên và kết quả xác minh.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn ông H được triệu tập hợp lệ nhiều lần không tham gia hòa giải và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu cảu nguyên đơn xem như từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ông H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do thuộc trường hợp xét xử vắng mặt được quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà N và ông H tự tìm hiểu chung sống năm 2004 có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Với nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như bà N trình bày ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên không còn sống chung. Ngày 16/4/2019 bà N đã khởi kiện ly hôn ông H, nhưng qua động viên hòa giải của tòa án bà đã rút lại yêu cầu để hàn gắn tình cảm nhưng không được, bà tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của bà N và ý kiến cháu Uyên, kết quả xác minh thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và được Tòa án động viên hòa giải nhưng không thể hàn gắn tình cảm, hiện không còn sống chung. Nhận thấy đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Phan Duy Uyên, sinh năm 2006. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý cũng như nguyện vọng của cháu Uyên, nên giao cho bà N tiếp tục nuôi dạy là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H và cả hai cư trú tại thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt hai lần không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Bà N và ông H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai chấp nhận tổ chức lễ cưới, chung sống vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, Giấy chứng nhận kết hôn số 149/HT, ngày 14/10/2004 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà N yêu cầu xin ly hôn với ông H, với nguyên nhân trong thời gian chung sống gần đây ông H có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cải vã, ông H không còn sống chung với bà từ cuối năm 2019; lời khai của bà N phù hợp với kết quả xác minh và lời khai của cháu Uyên. Mặt khác mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H đã được Tòa án giải quyết vào tháng 9/2019, qua động viên hòa giải nhưng đến nay không hàn gắn được tình cảm, vợ chồng tiếp tục sống xa cách nhau.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Với mâu thuẫn

trên cho thấy tình nghĩa vợ chồng bà N, ông H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N, ông H có 01 con chung tên Phan Duy Uyên, sinh ngày 08/01/2006, bà N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy.

Xét, cháu Uyên hiện đang sống cùng với bà N, cháu là con gái do đó cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, ngoài ra bà N cũng có việc làm và có thu nhập, đủ điều kiện kinh tế nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định, cũng như nguyện vọng của cháu Uyên nên chấp nhận cho bà N tiếp tục nuôi dạy con chung.

Bà Trần Thị Kim N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà N đã nộp.

Ông H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim N được ly hôn với ông Phan H.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Kim N tiếp tục nuôi dạy cháu Phan Duy U, sinh ngày 08/01/2006, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Kim N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim N chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2017/0003499 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ông Phan H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 149/HT, quyển số 01/2004, ngày 14 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà N có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông H là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).
- UBND phường Vĩnh Mỹ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy